

MỤC LỤC

Nguyễn Quang Bình - Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 tại Việt Nam – Minh chứng sinh động luận điểm “khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp” của C.Mác	2
Nguyễn Thị Thanh Thủy, Đỗ Năng Thắng - Thu hút FDI vào Việt Nam - Cơ hội và thách thức.....	7
Bùi Thị Thanh Tâm, Hà Quang Trung, Đỗ Xuân Luận - Giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng tiếp cận nghèo đa chiều tại tỉnh Thái Nguyên.....	13
Nguyễn Quang Bình - Biện pháp quản lý hoạt động thu thuế kinh doanh trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay.....	19
Dương Thị Huyền Trang, Lê Thị Thanh Thương - Phân bổ quỹ thời gian giữa nữ giới và nam giới - Nghiên cứu trường hợp tại Thái Nguyên	24
Lương Tình, Đoàn Gia Dũng - Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định áp dụng đổi mới công nghệ trong nông nghiệp của nông dân: Một cách nhìn tổng quan.....	29
Nguyễn Tiến Long, Nguyễn Chí Dũng - Vai trò của khu vực FDI với tăng năng suất lao động ở Việt Nam.....	34
Nguyễn Quang Hợp, Đỗ Thùy Ninh, Dương Mai Liên - Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công tại Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	42
Ngô Thị Mỹ, Trần Văn Dũng - Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường ASEAN: Thực trạng và gợi ý chính sách.....	49
Dương Hoài An, Trần Thị Lan, Trần Việt Dũng, Nguyễn Đức Thu - Tác động của vốn đầu tư đến kết quả sản xuất chè trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Việt Nam	54
Phạm Văn Hạnh, Đàm Văn Khanh - Ảnh hưởng của hành vi khách hàng đến việc kiểm soát cảm xúc của nhân viên – Ảnh hưởng tương tác của chuẩn mực xã hội	59
Nguyễn Thanh Minh, Nguyễn Văn Thông, Lê Văn Vĩnh - Quản lý dịch vụ chăm sóc khách hàng tại Viễn Thông Quảng Ninh.....	63
Đỗ Thị Hoàng Yến, Phạm Văn Hạnh - Khảo sát các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động nhượng quyền thương mại tại Thái Nguyên	69
Nguyễn Thị Phương Hảo, Hoàng Thị Hồng Nhung, Trần Văn Dũng - Công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.....	74
Nguyễn Việt Dũng - Tác động của cấu trúc vốn đến rủi ro tài chính của doanh nghiệp xi măng niêm yết tại Việt Nam.....	82
Trần Thị Nhung - Hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán quản trị tại các doanh nghiệp sản xuất và chế biến chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	88
Ngô Thị Hương Giang, Phạm Tuấn Anh - Chất lượng dịch vụ tín dụng đối với các hộ sản xuất của Agribank chi nhánh huyện Đồng Hỷ	94

TÁC ĐỘNG CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 TẠI VIỆT NAM – MINH CHỨNG SINH ĐỘNG LUẬN ĐIỂM “KHOA HỌC TRỞ THÀNH LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRỰC TIẾP” CỦA C.MÁC

Nguyễn Quang Bình

Tóm tắt

Thế giới đang đứng trước cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Industry 4.0) phát triển mạnh mẽ, chứng minh dự báo thiên tài của C.Mác cách đây 160 năm về những thay đổi khi “khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp”. Cuộc cách mạng này có tác động sâu rộng tới nhận thức, cơ cấu kinh tế, thể chế chính trị, quan hệ giữa các dân tộc... tạo ra cơ hội và những thách thức đối với mỗi quốc gia trong thời đại ngày nay. Đối với Việt Nam, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt trên lĩnh vực khoa học và công nghệ, đòi hỏi phải có những biện pháp căn cơ nhằm làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại.

Từ khóa: Cách mạng công nghiệp 4.0, khoa học và công nghệ, tác động của cách mạng công nghiệp.

IMPACT OF INDUSTRIAL REVOLUTION 4.0 IN VIET NAM – PROOF FOR THE THESIS “SCIENCE BECOMES THE DIRECT FORCE OF PRODUCTION” BY KARL MARX

Abstract

The fourth industrial revolution (Industry 4.0) has emerged throughout the world, proving the genius speculation the changes as “science becomes the direct force of production” by Karl Marx 160 years ago. This revolution has profound impacts on the perception, economic structure, political regimes and international relations and creates opportunities as well as challenges for each nation in our time. For Vietnam, the industrial revolution 4.0 has dramatically impacted every aspect of social life, particularly in the field of science and technology, requiring fundamental measures to make science and technology become the top national priority and the most important driver for developing modern production forces.

Keywords: Industrial revolution 4.0, science and technology, impact of industrial revolution.

1. Đặt vấn đề

Cách đây khoảng 160 năm, trong “Phê phán khoa kinh tế chính trị”, bản thảo đầu tiên của bộ “Tư bản” (1857-1858), C.Mác đã đưa ra nhận định về xu thế nhất thể hoá giữa khoa học và sản xuất bằng luận điểm nổi tiếng: “Sự phát triển của tư bản cố định là chỉ số cho thấy tri thức xã hội phổ biến (Wissen, knowledge) đã chuyển hóa đến mức độ nào thành lực lượng sản xuất trực tiếp” [1]. Theo C.Mác, khoa học sẽ trực tiếp tham gia vào việc sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, bởi vì, khoa học là sản phẩm sáng tạo của tư duy con người, khi được chuyển hoá, được “vật chất hoá” thành công cụ sản xuất và được con người sử dụng trong hoạt động lao động để tạo ra của cải vật chất thì nó trở thành “lực lượng sản xuất trực tiếp”. Điều này đang ngày càng diễn ra mạnh mẽ và trở thành xu thế tất yếu trong sự phát triển của nền sản xuất hiện đại trên thế giới. Hiện nay, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Industry 4.0) đang phát triển mạnh mẽ, có tác động sâu rộng tới nhận thức, cơ cấu kinh tế, thể chế chính trị, quan hệ giữa các dân tộc... tạo ra những cơ hội và những thách thức đối với mỗi quốc gia.

Với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, luận điểm đó của C.Mác đang dần trở thành hiện thực, chứng minh dự báo thiên tài của C.Mác một cách đầy thuyết phục.

2. Nội dung

2.1. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 – nguồn gốc và đặc trưng cơ bản

Năm 2011, tại Hội chợ Công nghệ Hannover (Đức), thuật ngữ “Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư” (Industry 4.0, viết tắt là FIR) lần đầu tiên được đưa ra. Hiện nay, thuật ngữ “Công nghiệp 4.0” được sử dụng rộng rãi trên thế giới. FIR được định nghĩa là “một cụm thuật ngữ cho các công nghệ và khái niệm của tổ chức trong chuỗi giá trị” đi cùng với các hệ thống vật lý trong không gian ảo, internet của vạn vật và internet của các dịch vụ. Như vậy, cách mạng công nghiệp 4.0 là cuộc cách mạng dựa trên sự kết hợp các công nghệ lại với nhau, làm mờ ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số và sinh học.

Đặc trưng cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đó là những tính năng xử lý thông tin sẽ được nhân lên bởi những đột phá công nghệ trên nhiều lĩnh vực nhờ khả năng kết nối thông

qua các thiết bị di động và khả năng tiếp cận với cơ sở dữ liệu lớn. Tốc độ không có tiền lệ trong lịch sử, theo hàm cấp số mũ. FIR làm thay đổi căn bản cách thức con người tạo ra sản phẩm, từ đó tạo nên “cách mạng” về tổ chức các chuỗi sản xuất - giá trị. Hiện nay, cách mạng công nghiệp 4.0 nổi lên ba xu hướng lớn, bao gồm vật lý (xe tự lái, công nghệ in 3D, rô bốt cao cấp, vật liệu mới); kỹ thuật số (sự xuất hiện internet của vạn vật - Internet of Things, IoT) và sinh học (giải trình, kích hoạt, chỉnh sửa gen, DNA). So sánh với các cuộc cách mạng công nghiệp trước đây, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển với tốc độ ở cấp số nhân, tạo nên sự biến đổi của toàn bộ các hệ thống sản xuất, quản lý và quản trị; làm thay đổi mạnh mẽ, toàn diện nền kinh tế mỗi quốc gia về cấu trúc, trình độ phát triển, tốc độ tăng trưởng, mô hình kinh doanh, thị trường lao động...

2.2. Luận điểm “khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp” của C.Mác

Công lao vĩ đại của C.Mác là áp dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng vào nghiên cứu trong lĩnh vực xã hội và đã chỉ ra tính quy luật của các biến đổi xã hội như là một quá trình lịch sử - tự nhiên. Đi sâu nghiên cứu nền sản xuất xã hội, C.Mác phát hiện ra quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất. Trong lực lượng sản xuất, vai trò của khoa học được thể hiện ở trình độ của người lao động và trình độ của công cụ lao động, là sức mạnh của tri thức đã được “vật thể hóa”. Khi hàm lượng khoa học ngày càng gia tăng trong hai yếu tố này sẽ tạo động lực cho sự phát triển lực lượng sản xuất và do đó thúc đẩy quan hệ sản xuất phát triển phù hợp. Những quan hệ sản xuất hợp thành cơ sở hạ tầng xã hội và đóng vai trò quyết định sự tồn tại, biến đổi của kiến trúc thượng tầng xã hội. Theo C.Mác, tri thức (khoa học) đã làm cho tư bản cố định (nhà máy, máy móc, công cụ... được dùng trong sản xuất) chuyển hoá đến mức độ nhất định nào đó thì trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. “Mức độ nào” - đó là khi tri thức khoa học được ứng dụng, được “vật hóa” thành tư bản cố định, được người lao động sử dụng trong quá trình sản xuất. Trong các yếu tố cấu thành, quyết định sự phát triển của lực lượng sản xuất, công cụ lao động giữ vị trí rất quan trọng, là yếu tố “động” nhất, có vai trò quyết định đối với phương thức sản xuất: “Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào” [2]. Như vậy, C.Mác với bộ óc thiên tài đã khẳng định, cùng với sự phát triển của khoa học cũng như sản xuất,

xu thế nhất thể hoá giữa khoa học với sản xuất sẽ trở thành tất yếu.

Trong các tác phẩm của mình, C.Mác đã nhiều lần khẳng định vai trò và sức mạnh cải tạo thế giới của tri thức khoa học khi nó trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Đồng thời, C.Mác cũng chỉ rõ rằng, tự bản thân khoa học không thể gây ra bất kỳ một tác động tích cực hay tiêu cực nào đối với thế giới, mà phải thông qua sự vận dụng vào hoạt động thực tiễn của con người thì nó mới phát sinh tác dụng: “Vũ khí của sự phê phán có nhiên không thể thay thế được sự phê phán của vũ khí, lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất; nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng” [3]. Từ chỗ là lực lượng sản xuất tiềm năng, khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Bước chuyển này không phải là ngẫu nhiên, mà chỉ có thể diễn ra trong những điều kiện nhất định hay “một trình độ phát triển nào đó” như C.Mác đã dự đoán. Theo C.Mác, những *điều kiện* để “khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp” đó là: Nền sản xuất xã hội phải đạt đến một trình độ phát triển cao, tạo cơ hội và địa bàn để khoa học và công nghệ phát huy vai trò là lực lượng sản xuất trực tiếp của mình. Khoa học phải đạt đến một trình độ phát triển cao đến mức đủ sức giải quyết những vấn đề cấp thiết do thực tiễn xã hội đặt ra. Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế - xã hội và xu thế toàn cầu hóa kinh tế. Sự thâm nhập sâu sắc nguyên lý triết học mácxít về sự thống nhất biện chứng giữa lý luận và thực tiễn.

Các *hình thức biểu hiện* của quá trình “khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp”, theo C.Mác, trước hết đó là tri thức khoa học được “vật hóa” thành các công cụ sản xuất ngày càng tinh xảo hơn, càng hoàn thiện hơn và nhanh hơn (công nghệ nguyên tử, vật liệu mới, nano...). Đồng thời, khoa học cùng với quá trình giáo dục - đào tạo đã và đang tạo ra những con người lao động mới - có trí tuệ sáng tạo, có tri thức chuyên môn sâu, có hiểu biết rộng, có tầm nhìn xa. Việc quản lý, điều hành trong sản xuất cũng như trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội nhanh nhạy, chính xác, kịp thời nhờ có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. Như vậy, quan niệm của C.Mác về vai trò của khoa học trong sự phát triển lực lượng sản xuất hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển nền kinh tế tri thức, có ý nghĩa phương pháp luận khi nhận thức về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

2.3. Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đối với sự phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là cơ hội cho mọi quốc gia, nhất là các nước đang phát triển như Việt Nam có thể phát triển nhanh bằng cách đi tắt, đón đầu. Khẳng định vai trò to lớn của khoa học và công nghệ trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay, Đảng ta khẳng định: “Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại...” [4], “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tới... lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu” [5]. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật về khoa học và công nghệ đã được ban hành như Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI (2012) “Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, Luật Khoa học và công nghệ (2013), Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020...

Trong những năm qua, khoa học và công nghệ đã có đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các lĩnh vực. Khoa học và công nghệ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Một số ngành khoa học, công nghệ mũi nhọn đã có đóng góp tích cực phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường quốc phòng, an ninh. Hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ có chuyển biến; tiềm lực khoa học, công nghệ được nâng lên. Quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ có đổi mới. Hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ có bước tiến bộ. Thị trường khoa học, công nghệ đã hình thành và bước đầu phát huy tác dụng. Các thành tựu của khoa học và công nghệ được ứng dụng ngày càng rộng rãi trong lao động sản xuất và đời sống của người dân Việt Nam, góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng suất lao động và chất lượng cuộc sống.

Tuy nhiên, khoa học và công nghệ chưa thực sự gắn kết và trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Việc huy động nguồn lực của xã hội cho khoa học và công nghệ chưa được chú trọng. Không hoàn thành mục tiêu xây dựng các trung tâm khoa học lớn đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đầu tư cho khoa học, công nghệ còn thấp, hiệu quả sử dụng chưa cao. Cơ chế quản lý khoa học, công nghệ chậm đổi mới. Thị trường khoa

học và công nghệ phát triển chậm. Công tác quy hoạch, phát triển khoa học và công nghệ chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ còn thiếu định hướng chiến lược, hiệu quả thấp. Đây thực sự là những nguy cơ đe dọa sự ổn định xã hội và phát triển bền vững của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

Để phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam tương xứng với vị thế, vai trò trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, tận dụng có hiệu quả những thời cơ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra, đòi hỏi phải tiến hành toàn diện, đồng bộ nhiều giải pháp cụ thể, trong đó, cần tập trung thực hiện có hiệu quả một số biện pháp cốt lõi sau đây:

Một là, chú trọng huy động các nguồn lực đầu tư và thực hiện xã hội hoá lĩnh vực khoa học và công nghệ. Hình thành các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ tập trung để hỗ trợ giải quyết các nhu cầu về công nghệ của doanh nghiệp. Đa dạng hoá và nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực lao động kỹ thuật theo hướng thích ứng với nhu cầu thị trường (kể cả với những thị trường công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu quy mô lớn) và phục vụ trực tiếp nhu cầu của doanh nghiệp. Xoá bỏ cơ chế quan liêu, độc quyền trong khoa học để tạo điều kiện, môi trường cho cạnh tranh bình đẳng trong lĩnh vực này. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia liên kết đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ cũng như thu hút nhân lực kỹ thuật cao từ nước ngoài. Tiếp tục chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học theo mô hình tổ chức khoa học và công nghệ công lập, quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia. Tập trung đầu tư phát triển một số viện khoa học và công nghệ, trường đại học cấp quốc gia và một số khu công nghệ cao, vùng kinh tế trọng điểm theo mô hình tiên tiến của thế giới. Tiếp tục đổi mới công tác lý luận trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, đảm bảo có hệ thống đối với những vấn đề mang tính chiến lược và tính dự báo, làm cơ sở cho việc hoạch định chiến lược, chính sách phát triển khoa học và công nghệ.

Hai là, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, mở rộng thị trường hoạt động khoa học và công nghệ. Chú trọng đổi mới, từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính. Có cơ chế thúc

đẩy đổi mới công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại. Huy động mạnh mẽ nguồn vốn xã hội và các nguồn vốn nước ngoài đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ. Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ; xây dựng một số trung tâm nghiên cứu hiện đại. Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Tăng cường liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp; mở rộng hình thức liên kết giữa Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nông. Khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đổi mới công nghệ. Đổi mới chiến lược công nghiệp Việt Nam, ưu tiên thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ mũi nhọn, như công nghệ nano, in 3D, công nghệ sinh học phân tử, công nghệ di truyền, công nghệ của trí tuệ nhân tạo...

Ba là, đổi mới toàn diện, đồng bộ giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế về nguồn nhân lực. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo. Chú trọng đào tạo nhân lực về mặt công nghệ và tri thức mới cũng như xây dựng một môi trường hỗ trợ sáng tạo. Đầu tư có chiều sâu và hiệu quả để các trường đại học trọng điểm đi đầu trong nghiên cứu khoa

học, công nghệ mới, tiên phong trong khởi nghiệp ở lĩnh vực công nghệ và tri thức.

Bốn là, xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia giỏi, có nhiều đóng góp. Tạo môi trường thuận lợi, điều kiện vật chất để cán bộ khoa học và công nghệ phát triển bằng tài năng và hưởng lợi ích xứng đáng với giá trị lao động sáng tạo của họ. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, tư vấn, phản biện của các nhà khoa học. Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hướng hỗ trợ hiệu quả cho việc vận hành thị trường khoa học và công nghệ. Đổi mới về chính sách quản lý tài chính đối với kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ theo cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước. Thúc đẩy và tạo điều kiện về cơ chế, chính sách, nhất là cơ chế tài chính cho mối liên doanh, liên kết giữa “bốn nhà” (nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà nông) để ứng dụng có hiệu quả khoa học và công nghệ vào sản xuất trong quá trình sản xuất hàng hoá. Xác định mục tiêu trọng điểm và lựa chọn nhiệm vụ trọng tâm tập trung đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, căn cứ đặc điểm và tình hình của đất nước, tiềm lực kinh tế - xã hội và trình độ phát triển của khoa học và công nghệ trong từng giai đoạn.

3. Kết luận

Hiện nay, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang thực sự làm cho khoa học và công nghệ trở thành động lực phát triển hàng đầu của lực lượng sản xuất ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Luận điểm nổi tiếng “khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp” của C.Mác đã và đang trở thành hiện thực. Điều đó có được, một mặt, nhờ logic phát triển nội tại của tri thức khoa học trải qua hàng chục thế kỷ, mặt khác, nhờ những điều kiện kinh tế - xã hội đã phát triển đến độ chín muồi. Đến lượt mình, việc khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp đã có tác động mạnh mẽ và có hiệu quả cao không chỉ đối với lĩnh vực sản xuất, mà đến tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Sự xuất hiện của công nghệ thông tin và kinh tế tri thức là những biểu hiện rõ ràng nhất, toàn diện và sâu sắc nhất của quá trình khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp,

đồng thời cũng khẳng định tính đúng đắn, khoa học trong luận điểm này của C.Mác. Việt Nam đang từng bước phát triển kinh tế tri thức, cần phải chuẩn bị những điều kiện cần thiết về con người, về khoa học và công nghệ, về định hướng

đầu tư và huy động nguồn lực tài chính vào phát triển khoa học và công nghệ, về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ để phát triển nhanh và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Bá Ân. (29.9.2017). *Cơ hội và thách thức*. Truy cập ngày 01.4.2018, từ <http://www.nhandan.com.vn/hangthang/item/34245102-co-hoi-va-thach-thuc.html>.
- [2]. C.Mác và Ph.Ăngghen. (2006). *Toàn tập, tập 46, phần II*, tr.372. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.
- [3]. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sđd*, tập 23, tr.269. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.
- [4]. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sđd*, tập 1, tr.580. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.
- [5]. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII* tr.119-120. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.
- [6]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Sđd*, tr.90. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia
- [7]. Trần Đắc Hiền. (18.9.2015). *Luận điểm “Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp” của C.Mác và sự vận dụng ở nước ta hiện nay*. Truy cập ngày 04.4.2018, từ <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/ho-so-su-kien/doc-1918201511214046.html>.
- [8]. Vũ Duy Thông. (25.9.2017). *Cách mạng công nghiệp 4.0 và những thách thức toàn cầu*. Truy cập ngày 03.4.2018, từ <http://www.dangcongsan.vn/khoa-giao/cach-mang-cong-nghiep-4-0-va-nhung-thach-thuc-toan-cau-455295.html>.
- [9]. Phạm Thị Ngọc Trâm. (8.2008). *Luận điểm khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp của C.Mác và vấn đề phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay*. Truy cập ngày 04.4.2018, từ <http://philosophy.vass.gov.vn/nguyen-cuu-theo-chuyen-de/Nghi-quyet-Dang-va-cuoc-song/Luan-diem-khoa-hoc-tro-thanh-luc-luong-san-xuat-truc-tiep-cua-C-Mac-va-van-de-phat-trien-kinh-te-tri-thuc-o-Viet-Nam-hien-nay-556.html>.

Thông tin tác giả:

Nguyễn Quang Bình

- Đơn vị công tác: Hệ Sau đại học, Trường Sĩ quan Chính trị (ĐH Chính trị)

- Địa chỉ email: binhcnxhkh@gmail.com

Ngày nhận bài: 20/03/2018

Ngày nhận bản sửa: 28/03/2018

Ngày duyệt đăng: 30/03/2018

Journal of Economics and Business Administration - TUEBA

ISSN: 2525 – 2569

No. 5, 2018

TABLE OF CONTENTS

Nguyen Quang Binh - Impact of industrial revolution 4,0 in Viet Nam – Proof for the thesis “Science becomes the direct force of production” by Karl Marx	2
Nguyen Thi Thanh Thuy, Do Nang Thang - Attracting FDI into Viet Nam: Opportunities and challenges.....	7
Bui Thi Thanh Tam, Ha Quang Trung, Do Xuan Luan - Solutions for sustainable poverty reduction based on the multidimensional approach in Thai Nguyen province	13
Nguyen Quang Binh - Measures for management of tax collection for the businesses on social networks in Viet Nam	19
Dương Thị Huyền Trang, Lê Thị Thanh Thuong - The allocation of time among women and men: a case study in Thai Nguyen province	24
Luong Tinh, Doan Gia Dung - Determinants of farmers’ decision on applying new technology in production: Overview	29
Nguyen Tien Long, Nguyen Chi Dung - Role of FDI sector in increasing labor productivity in Viet Nam.....	34
Nguyen Quang Hop, Do Thuy Ninh, Duong Mai Lien - Enhancing the quality of public service in the management unit of Thai Nguyen's industrial zones	42
Ngo Thi My, Tran Van Dung - Analyzing the exportation of Vietnam to ASEAN market	49
Duong Hoai An, Tran Thi Lan, Tran Viet Dung, Nguyen Đức Thu - Impacts of capital investment on tea production in Lai Chau province, Viet Nam	54
Pham Van Hanh, Dam Van Khanh - The effects of customers’ attitude and behavior on employees’ emotions at service firms in Thai Nguyen city	59
Nguyen Thanh Minh, Nguyen Van Thong, Lê Văn Vinh - The management of customer service in VNPT Quang Ninh province	63
Do Thi Hoang Yen, Pham Van Hanh - Factors affecting the franchising in Thai Nguyen province	69
Nguyen Thi Phuong Hao, Hoang Thi Hong Nhung, Tran Van Dung - Loan guarantee with property at BIDV - Thai Nguyen province branch.....	74
Nguyen Viet Dung - The impacts of capital structure to financial risks of listed cement companies in Viet Nam.....	82
Tran Thi Nhung - Completing the system of accounting reports in tea production and processing enterprises in Thai Nguyen province.....	88
Ngo Thi Huong Giang, Pham Tuan Anh - The quality of credit services for production households of Agribank - Dong Hy district branch	94